

**BỘ GIÁO DỤC CỘNG HÒA XÃ HỘI
VÀ ĐÀO TẠO CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Độc lập - Tự do -
HỌC SƯ HẠNH PHÚC
PHẠM
TP.HCM

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN
HỌC BỔNG HK1**

Khoa Sinh học (năm học 2010 -2011)

(Danh sách kèm theo quyết định số
1063/QĐ-ĐHSP ngày 06/06/2011)

STT	Họ và tên	Mã SV	ĐT BH	ĐR L	Mức học bổng	Số tiền
1	Huỳnh Cườ nh N ng guyễn n	K363.2593 .301 .005			300,0 00	1,50 0,00 0
2	ĐặngDiệu Trìn h Ngọc	K363.4699 .301 .009			300,0 00	1,50 0,00 0
3	Phạm Dun m N g guyễn n Ph	K363.3882 .301 .013			300,0 00	1,50 0,00 0
4	Tạ Lệ Thị	K362.8880 .301 .026			240,0 00	1,20 0,00 0
5	Hồ Tran Thị g Thùy	K362.8880 .301 .055			240,0 00	1,20 0,00 0
6	Nguyễn Hoàn g	K363.0493 .301 .063			240,0 00	1,20 0,00 0

7 Trươ Chi K363.5083
ng N .301 300,0 1,50
guyễ .002 00 0,00
n 0
Lan

8 Phạ Cúc K362.8880
m .301 240,0 1,20
Thị .007 00 0,00
0

9 Lươ HằgK363.3391
ng .301 300,0 1,50
Thị .017 00 0,00
0

10 Phạ Đạt K363.1782
m .301 240,0 1,20
Phát .032 00 0,00
0

11 Ngu Trầ K362.8890
yễn .301 240,0 1,20
Thị .054 00 0,00
0

12 Lê K363.0082
Thị .301 240,0 1,20
Út .064 00 0,00
0

13 Võ K363.4280
Thị .301 300,0 1,50
.071 00 0,00
0

14 HoànNgocK347.8882
g Th .301 240,0 1,20
anh .047 00 0,00
Lệ 0

15 Đoàn K357.3180
Lê .301 240,0 1,20
.007 00 0,00
0

16	Ngu Lan	K357.0985			
	yến	.301	240,0	1,20	
	Thị	.017	00	0,00	
	Than		0		
	h				
17	Ngu Phươ	K357.2585			
	yến ng	.301	240,0	1,20	
	Trần	.034	00	0,00	
			0		
18	Mai Yến	K357.2583			
	Thị	.301	240,0	1,20	
		.060	00	0,00	
			0		
19	Ngu Hào	K357.1687			
	yến	.301	240,0	1,20	
	Thị	.006	00	0,00	
			0		
20	Trần Quốc	K357.4794			
		.301	240,0	1,20	
		.037	00	0,00	
			0		
21	Trần Trâm	K357.3479			
	Thị	.301	240,0	1,20	
	Thùy	.050	00	0,00	
			0		
22	Lê Vi	K357.4796			
	Thị	.301	240,0	1,20	
	Tườ	.057	00	0,00	
	ng		0		
23	Phan Dươ	K347.5485			
	ng	.301	240,0	1,20	
		.010	00	0,00	
			0		
24	Hà Hằng	K347.8682			
	Thị	.301	240,0	1,20	
		.013	00	0,00	
			0		
25	Bùi Hà	K347.5085			
		.301	240,0	1,20	
		.017	00	0,00	

			0
26	Từ HThư K347.2582		
	ong .301	240,0	1,20
	.073	00	0,00
			0
27	Lê Tran K347.5785		
	Thị g .301	240,0	1,20
	.076	00	0,00
			0
28	Phan Tran K347.2182		
	Thị g .301	240,0	1,20
	.078	00	0,00
			0
29	Ngu K347.2185		
	yễn .301	240,0	1,20
	Nữ .083	00	0,00
			0
30	ĐặngDanhK347.1894		
	.301	240,0	1,20
	.005	00	0,00
			0
31	Ngu HằngK347.18100		
	yễn .301	240,0	1,20
	Thị .014	00	0,00
	Mộn		0
	g		
32	Đỗ Hào K347.3286		
	.301	240,0	1,20
	.018	00	0,00
			0
33	Ngu NgânK347.2586		
	yễn .301	240,0	1,20
	Thị .044	00	0,00
			0
34	Trần OanhK347.1486		
	Thị .301	240,0	1,20
	.054	00	0,00
			0

35	Ngu Thơ	K34 7.5485			
	yễn m	.301	240,0	1,20	
	Thị	.072	00	0,00	
			0		
36	Phạ An	K33 7.4489			
	m	.301	240,0	1,20	
	Thị	.001	00	0,00	
			0		
37	Phạ Bằng	K33 7.7194			
	m	.301	240,0	1,20	
		.004	00	0,00	
			0		
38	Lê	K33 7.5099			
	Thị	.301	240,0	1,20	
		.006	00	0,00	
			0		
39	Ngu	K33 7.5099			
	yễn	.301	240,0	1,20	
	Thị	.012	00	0,00	
	Hôn		0		
	g				
40	Ngu	K33 7.5696			
	yễn	.301	240,0	1,20	
	Thị	.015	00	0,00	
	Như		0		
41	Ngu Hoa	K33 7.5398			
	yễn	.301	240,0	1,20	
	Thị	.021	00	0,00	
	Than		0		
	h				
42	Đào Huỳ	K33 7.9489			
	nh	.301	240,0	1,20	
		.025	00	0,00	
			0		
43	Đào Anh	K33 7.5981			
	Thị	.301	240,0	1,20	
		.003	00	0,00	
			0		

44 Võ Đạt K33 7.4790
 .301 240,0 1,20
 .010 00 0,00
 0

45 Trần Đào K33 7.74100
 Thị .301 240,0 1,20
 Trúc .011 00 0,00
 0

46 Võ K33 7.7494
 .301 240,0 1,20
 .020 00 0,00
 0

47 Ngu Huệ K33 7.4798
 yến .301 240,0 1,20
 Thị .022 00 0,00
 0

58,2
 00,0
 00